

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

- Bản án số: 16/2017/HNGĐ-PT
- Ngày 22/8/2017
- V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983. (có mặt)
Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
Tạm trú: ấp thị trấn M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
2. Bị đơn: Anh Phạm Cao T, sinh năm 1986. (có mặt)
Địa chỉ: Khóm N, Phường X, thành phố A, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Phạm Cao T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thành

phố A, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/8/2016. Sau khi kết hôn chị L và anh T về sống nhà thuê tại thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do anh T không quan tâm chăm sóc chị, thường xuyên uống rượu, lúc chị L mang thai, ốm đau anh T cũng không quan tâm chăm sóc. Ngày 01/9/2016, chị L sinh con, đến đầu tháng 10/2016 chị L và anh T về nhà cha mẹ ruột anh T tại khóm N, phường X, thành phố A sinh sống. Trong thời gian sống tại nhà cha mẹ thì anh T nhiều lần chửi mắng chị L và có 01 lần dùng cây đánh chị bầm chân vào ngày 03/11/2016. Sau khi bị anh T đánh thì chị L về thị trấn H, huyện H sống từ ngày 03/11/2016 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Cao T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 01/9/2016, cháu A đang sống chung với anh T. Hiện nay, chị L đang ở nhà thuê tại ấp Thị Trấn M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và làm nghề trang điểm cô dâu với mức thu nhập bình quân là khoảng 8.500.000 đồng/tháng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu A, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có nên không yêu cầu.

Bị đơn là anh Phạm Cao T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên, anh T xác định việc mâu thuẫn giữa anh với chị L là tiền bạc vì anh nghi ngờ chị L không trung thực về tài sản chung của vợ chồng, chị L đem tài sản của vợ chồng về đưa cho cha mẹ ruột. Hiện nay anh T đang sống nhờ nhà cha mẹ ruột và làm công việc phụ trách bán hàng với thu nhập là khoảng 16.000.000 đồng. Tuy làm việc phải thường đi công tác nhưng anh nhờ cha mẹ chăm sóc cháu Phạm Hoàng A. Do đó, anh T không đồng ý giao cháu A cho chị L nuôi mà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T.

Về con chung: Buộc anh Phạm Cao T có trách nhiệm giao cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 01/9/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (cháu A đang sống chung với anh T); anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Anh Phạm Cao T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T xác định vợ chồng có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T xác định vợ chồng không có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, bị đơn anh Phạm Cao T kháng cáo một phần Bản án số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết giao con chung tên Phạm Hoàng A, sinh ngày 01/9/2016 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, anh T còn yêu cầu chị L trả anh 01 lượng vàng 18k là tài sản riêng của anh có trước khi cưới, do anh cho chị L mượn. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Cao T về yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hoàng A và yêu cầu chị Nguyễn Thị L trả 10 chỉ vàng 18k, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến tranh luận của các đương sự, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trích lục kết hôn ngày 11/8/2016 của Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố A (BL 04) xác định giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố A, tỉnh Bạc Liêu ngày 11/8/2016 nên có cơ sở xác định hôn nhân của anh T và chị L là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên chị L

yêu cầu được ly hôn với anh T và anh T cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh T là phù hợp quy định pháp luật. Các đương sự không kháng cáo nên phần quan hệ hôn nhân có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Chị L và anh T thống nhất xác định cả hai có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 01/9/2016, hiện cháu A đang sống chung với anh T. Khi ly hôn chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu A. Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm xét xử phúc thẩm (ngày 22/8/2017) cháu A dưới 36 tháng tuổi (11 tháng 22 ngày). Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”. Để chứng minh mình có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cả chị L và anh T cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập hàng tháng của mình (Bút lục 60, 81-85). Xét thấy, anh T và chị L có nghề nghiệp thu nhập ổn định, tuy thu nhập của chị L không cao so với thu nhập của anh T nhưng cũng đảm bảo được cuộc sống của cháu A, thêm vào đó công việc của chị L tại nhà, theo xác nhận của ông Lâm B – Trưởng ấp M, thị trấn H thì chị L đang làm việc tại tiệm áo cưới TK 2 (BL 78) nên chị L có điều kiện chăm sóc giáo dục cháu A, còn anh T thừa nhận công việc của anh thường xuyên đi xa tiếp thị nên phải gửi con cho mẹ anh trông giữ (BL 42-44).

[3] Theo biên bản hòa giải ngày 08/3/2017 (BL 42-44) và tại phiên tòa hôm nay, anh T xác định việc hai người mâu thuẫn và chị L bỏ đi là do xuất phát từ 01 lượng vàng 18k vì đây là tài sản riêng của anh cho chị L mượn, anh nghi ngờ chị L đã sử dụng 01 lượng vàng này, khi con đang nằm bệnh viện thì anh chở chị L về để làm rõ số vàng này và anh có đánh chị L, sau đó chị L đi và hôm sau có quay lại đòi đem con theo nhưng anh không đồng ý vì con đang bệnh; sau này chị L có hai lần đến thăm con nhưng mẹ anh T đuổi không cho vào nhà vì ăn mặc hở hang. Theo xác định của bà Đỗ Thị D – Chi hội trưởng, Hội phụ nữ khóm N, phường X, thành phố A (BL 79-80) xác định khoản thời gian từ tháng 10-11/2016 thì chị L có yêu cầu phụ nữ phường và khóm giải quyết mâu thuẫn giữa chị với anh T và giải quyết việc nuôi con. Như vậy, với các tài liệu thể hiện thì chị L luôn muốn được nuôi con khi chị và anh T mâu thuẫn, chứ chị L không từ bỏ việc nuôi con như lời tranh luận của anh T tại phiên tòa hôm nay. Nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị L và giao quyền trực tiếp nuôi con cho chị L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với kháng cáo của anh T yêu cầu chị L trả anh 01 lượng vàng 18k. Đối với yêu cầu này thì tại biên bản hòa giải ngày 08/3/2017 (BL 44) anh T có đặt ra nhưng xác định anh và chị L sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; tại phiên tòa sơ thẩm anh T có yêu cầu xem xét 01 lượng vàng 18k này nhưng trước khi tranh luận anh T rút yêu cầu (BL 32). Nên cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu của

anh T. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử thì cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của cấp sơ thẩm có kháng cáo; nhưng do ở cấp sơ thẩm anh T không yêu cầu, cấp sơ thẩm chưa xem xét quyết định đối với số vàng này nên cấp phúc thẩm không xem xét. Anh T có quyền khởi kiện giải quyết về tài sản bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh T đối với yêu cầu được nuôi con. Ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bạc Liêu là phù hợp, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Anh Phạm Cao T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Cao T. Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/HNGĐ-ST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 của Nghị quyết số 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 và anh Phạm Cao T, sinh năm 1986.

2. Về con chung: Buộc anh Phạm Cao T có trách nhiệm giao cháu Phạm Hoàng A, sinh ngày 01/9/2016 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, (cháu Phạm Hoàng A đang sống chung với anh T); anh Phạm Cao T không cấp dưỡng do chị L không yêu cầu. Anh Phạm Cao T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Cao T xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007163 ngày 02/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

+ Án phí phúc thẩm: Anh Phạm Cao T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Phạm Cao T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007481 ngày 19/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Lê Thanh Hùng

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại TP.HCM (01 bản)
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND thành phố A (01 bản);
- Chi Cục THADS tp. A (01 bản);
- Đường sự (02 bản);
- Lưu hồ sơ bản án, (02).